

Số: 2791/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 23 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020
huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (lần 3)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; danh mục các dự án; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (lần 1); Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (lần 2);

Theo đề nghị của UBND huyện Thanh Ba (Tờ trình số 1415/TTr-UBND 06/10/2020) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 725/TTr-UBND 22/10/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Thanh Ba với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Diện tích đất nông nghiệp là 14.477,78 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 16,76 ha. Cụ thể:

+ Diện tích đất trồng lúa là 4.198,33 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 16,76 ha, trong đó: diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 3.009,56 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 8,60 ha, diện tích đất trồng lúa nước còn lại là 1.188,77 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,11 ha;

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 1.454,44 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1,20 ha;

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm là 4.927,37 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 5,07 ha;

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 3.016,91 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1,71 ha;

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 448,93 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,07 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 4.749,79 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 16,93 ha. Cụ thể:

+ Đất thương mại dịch vụ là 13,24 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,63 ha.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 161,29 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,33 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 1.671,50 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,80 ha.

+ Đất ở tại nông thôn là 1.043,33 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 13,32 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 14,01 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,35 ha.

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 97,91 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 1,50 ha.

- Diện tích đất chưa sử dụng là 237,78 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 0,17 ha.

Chỉ tiêu các loại đất khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2020 (ha)	Diện tích điều chỉnh Kế hoạch (ha)	So sánh tăng giảm
	Tổng diện tích tự nhiên		19.465,35	19.465,35	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	14.494,54	14.477,78	-16,76
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.207,04	4.198,33	-8,71
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	<i>3.018,16</i>	<i>3.009,56</i>	<i>-8,60</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.455,64	1.454,44	-1,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.932,44	4.927,37	-5,07
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	290,19	290,19	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	108,05	108,05	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.018,62	3.016,91	-1,71
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	449,00	448,93	-0,07
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.732,86	4.749,79	16,93
2.1	Đất quốc phòng	CQP	252,76	252,76	-
2.2	Đất an ninh	CAN	0,88	0,88	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0	0,00	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0	0,00	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	106,21	106,21	-
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	12,61	13,24	0,63
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	160,96	161,29	0,33
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.670,70	1.671,50	0,80
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-
2.11	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	1,29	1,29	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,33	0,33	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.030,01	1.043,33	13,32
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	74,53	74,53	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,66	14,01	0,35
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,92	2,92	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,02	12,02	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2020 (ha)	Diện tích điều chỉnh Kế hoạch (ha)	Số sánh tăng giảm
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	130,53	130,53	-
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	96,41	97,91	1,50
3	Đất chưa sử dụng	CSD	237,95	237,78	-0,17

2. Danh mục các công trình, dự án đề nghị điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020:

Dự án điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020: 10 dự án.

(Chi tiết theo Biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020; tham mưu việc thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Thanh Ba có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, UBND huyện Thanh Ba và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

Phụ biểu: Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Phú Thọ)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất										Căn cứ pháp lý
				LUC	LUK	HNK	CLN	NTS	RSX	ONT	DGT	DTL	CSD	
I	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		0,35				0,35							
1	Xây dựng trụ sở xã Mạn Lạn (sau sát nhập)	UBND xã Mạn Lạn (xã Phương Lĩnh cũ)	0,35				0,35							Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ
II	Đất ở tại nông thôn		14,11	7,20	0,11	1,00	3,92	0,07	1,28	0,09	0,16	0,11	0,17	
2	Tái định cư dự án Đường cao tốc Phú Thọ tuyên Quang	Xã Đại An	10,55	4,36		0,55	3,92	0,02	1,28	0,09	0,11	0,08	0,14	Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ
		Đồng Đăng, Khu 7, xã Khai Xuân	0,55	0,42		0,12							0,01	
		Dụ My, khu Đình Đồng, xã Quảng Yên	2,61	2,02	0,11	0,33		0,05			0,05	0,03	0,02	
3	Tái định cư dự án Đường vào cụm công nghiệp Bãi Ba, Cụm công nghiệp Bãi Ba và Mở rộng cụm công nghiệp Bãi Ba	Xã Đông Thành	0,40	0,40										
III	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao		1,00	1,00										
4	Xây mới sân thể thao trung tâm xã Quảng Yên	Xã Quảng Yên	1,00	1,00										Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ
IV	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		1,50				0,80			0,70				
5	Hành lang an toàn mỏ đá vôi công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao	Xã Ninh Dân	1,50				0,80			0,70				Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất										Căn cứ pháp lý	
				LUC	LUK	HNK	CLN	NTS	RSX	ONT	DGT	DTL	CSD		
V	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		0,33							0,33					
6	Cơ sở chế biến chè Huy Hoàng Công ty TNHH Huy Hoàng	Xã Đông Xuân	0,33							0,33					Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ
VI	Đất công trình năng lượng		0,09	0,09											
7	Cải tạo ĐZ 110kV từ TBA 220kV Phú Thọ - Bãi Bằng - Việt Trì	Xã Đại An, Khai Xuân Đông Thành	0,09	0,09											Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ
VII	Đất thương mại dịch vụ		0,63	0,31		0,20				0,10		0,02			
8	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Cương	Xã Hoàng Cương	0,33	0,31								0,02			Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ
9	Bến, bãi bốc xếp hàng hóa và kinh doanh vật liệu xây dựng của công ty TNHH Đông Tiến Đoàn Hùng	Xã Mạn Lạn	0,20			0,20									QĐ chủ trương đầu tư số 1506/QĐ-UBND ngày 10/7//2020 của UBND tỉnh
10	Khu trưng bày sản phẩm đón tiếp khách tham quan dự án trang trại nông nghiệp sinh thái kết hợp với các hoạt động trải nghiệm của công ty cổ phần thương mại tổng hợp Phú Thọ	Khu 6,7 xã Đông Thành	0,10							0,10					Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ; Văn bản số 4107/UBND-KTTH ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh PT v/v chấp thuận cho UBND huyện Thanh Ba điều chỉnh số lượng dự án, công trình;
	Tổng cộng		18,01	8,6	0,11	1,2	5,07	0,07	1,71	0,79	0,18	0,11	0,17		